

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2025/HC-PT

Ngày 17/2/2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Ngọc Thái**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Văn Hợp**
bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:
bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 445/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Công ty TNHH S; địa chỉ: làng T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: bà **Hoàng Thị T** – Giám đốc Công ty; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thu H – Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

2. Người bị kiện: UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Anh T1 – Phó chủ tịch UBND nhân dân huyện V. (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2024); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Cổ phần S; địa chỉ: làng T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Chu Thiện M – Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần S; có mặt.

- Công ty TNHH MTV S; địa chỉ: thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2024, tại phiên đối thoại và trong quá trình tố tụng người khởi kiện trình bày:

Từ năm 2016, bà Hoàng Thị T và Công ty Cổ phần S (sau đây gọi là Công ty S) thỏa thuận miệng về việc hợp tác chế biến gỗ, bằng cách Công ty Lâm sản có quyền sử dụng đất nên cho bà T xây dựng nhà xưởng, đầu tư máy móc, thiết bị để chế biến gỗ. Về lợi nhuận, Công ty S hưởng theo khối lượng, còn bà T được vay vốn kinh doanh 8%/năm. Đến năm 2020, bà T lập Công ty TNHH MTV S (sau đây gọi là Công ty S). Từ năm 2016 cho đến nay, Công ty S đã đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc và cùng hợp tác sản xuất chế biến gỗ đều chi trả lợi nhuận đầy đủ cho Công ty S theo các chứng từ ghi công nợ chi tiền hàng tháng; giữa các bên không có tranh chấp gì.

Năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện V thực hiện dự án đường C đoạn C - V. Trên diện tích đất thu hồi của Công ty S là nhà xưởng, thiết bị máy móc của Công ty S. (Công ty S và Công ty S đã có biên bản kiểm kê tài sản nộp cho ban quản lý dự án của huyện V).

Ngày 21/02/2024, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng CT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn V - C có Công văn số 48/CV-HĐ về việc yêu cầu cung cấp chứng từ liên quan đến bồi thường hỗ trợ đối với công ty V1 nội dung yêu cầu Công ty S cung cấp hợp đồng liên doanh giữa 02 Công ty; tuy nhiên, giữa 02 Công ty thỏa thuận không lập bằng văn bản.

Ngày 06/6/2024, UBND huyện V có Văn bản số 1198/UBND-BQLDA có nội dung: Công ty S không có hồ sơ giấy tờ chứng minh việc đầu tư nhà xưởng máy móc trên đất là hợp pháp. Do đó, UBND huyện V không lập phương án, hỗ trợ đối với Công ty S.

Vì vậy, ngày 18/6/2024 Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của UBND huyện V về việc trả lời đơn công dân.

- Buộc UBND huyện V tiến hành lập phương án bồi thường toàn bộ tài sản trên đất cho Công ty S.

2. Tại văn bản số 1496/UBND-HĐBT ngày 11/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện V và quá trình giải quyết vụ án người bị kiện trình bày:

Thực hiện Dự án xây dựng CT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn V - C.

Ngày 27/5/2024, UBND huyện V nhận được Công văn số 871/VP-KT ngày 23/5/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Q chuyển Đơn ghi ngày 16/5/2024 của Công ty TNHH S có nội dung kiến nghị, phản ánh về việc xem xét, hỗ trợ, bồi thường cho công ty K thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn V - C.

Qua xem xét nội dung đơn của Công ty S, trên cơ sở báo cáo của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện thì ngày 25/11/2023, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V đã kiểm kê, kiểm đếm ghi nhận bằng biên bản kiểm đếm số 68/BB-KĐ đối với toàn bộ tài sản của Công ty TNHH S theo đề nghị của Công ty trên thực tế. Theo đó, toàn bộ tài sản máy móc, thiết bị, nhà xưởng của Công ty TNHH S đều xây dựng trên đất của Công ty cổ phần S và Công ty TNHH MTV S. Ngày 21/02/2024, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng CT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn V - C có Công văn số 48/CV-HĐ về việc yêu cầu cung cấp chứng từ liên quan đến bồi thường, hỗ trợ đối với công ty. Công ty không có hồ sơ giấy tờ chứng minh cho việc đầu tư nhà xưởng máy móc trên đất là hợp pháp.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 289/VP-KT ngày 01/4/2024 về việc giải quyết đề nghị của UBND huyện V tại Báo cáo số 146/BC – UBND ngày 29/3/2024 về khó khăn vướng mắc trong công tác GPMB của đường C - C.

Ngày 09/4/2024, tại Văn bản số 1328/STNMT-ĐĐBĐ&TĐC của Sở T2 về việc giải quyết đề nghị của UBND huyện V về khó khăn vướng mắc trong công tác GPMB của đường C - C, trong đó có trường hợp của Công ty TNHH MTV S. Tại

Văn bản này có nêu nội dung: "UBND huyện đề nghị UBND tỉnh đồng ý chủ trương hỗ trợ toàn bộ tài sản của Công ty S, mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá nhà, vật kiến trúc cho Công ty S theo quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 26/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Q quy định “Đối với nhà, công trình xây dựng khác nằm trong phạm vi nhà nước thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường thì được xem xét hỗ trợ, mức hỗ trợ tối đa bằng 50 % đơn giá của UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định thu hồi”.

Đề nghị UBND huyện V tổ chức làm việc với Công ty TNHH S, Công ty cổ phần S và Công ty TNHH MTV S để xác định hồ sơ pháp lý về việc sử dụng đất của Công ty TNHH S. Trên cơ sở đó, nếu xác định việc sử dụng đất, xây dựng công trình của Công ty TNHH S là hợp pháp thì lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Nếu tài sản Công ty TNHH S tạo lập trái phép thì sẽ không được bồi thường tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật đất đai”

Do Công ty TNHH S không có hồ sơ giấy tờ chứng minh việc đầu tư nhà xưởng máy móc trên đất là hợp pháp nên không thể bồi thường. UBND huyện V ra Văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của UBND huyện V về việc trả lời đơn công dân với nội dung không tiến hành lập phương án bồi thường toàn bộ tài sản trên đất cho Công ty TNHH S.

Tại Văn bản số 356/HĐ -TLKN ngày 24/7/2024 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng CT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn V - C trả lời kiến nghị ngày 23/7/2024 của Công ty S. Hiện nay Công ty S đang có đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân giải quyết. Hiện tại chưa có bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng đã kiểm kê, kiểm đếm ghi nhận đối với toàn bộ tài sản xây dựng tạo lập của Công ty S trên đất của Công ty cổ phần S và Công ty TNHH MTV S có đầy đủ thành phần tham gia ký xác nhận vào ngày 25/11/2023. Do đó trường hợp Tòa án phán quyết là đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ cho Công ty thì Hội đồng sẽ lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho công ty theo đúng quy định.

Vì vậy, để đảm bảo bàn giao giải phóng mặt bằng theo chỉ đạo của UBND tỉnh Công ty khẩn trương di dời tài sản bàn giao mặt bằng trước ngày 26/7/2024. Đề nghị Công ty TNHH S phối hợp thực hiện.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần S trình bày:

Giữa Công ty S và Công ty S không có hợp tác làm ăn hay kinh doanh với nhau.

Công ty S chỉ biết có cho ông Trần Xuân C (chồng bà T – giám đốc Công ty S) tá túc trên đất của Công ty S để thu mua cây trầm; sau đó ông C tự ý dựng 04 cây

trụ lợp tôn để đặt cửa, rồi dần dần mở rộng nhà xưởng mà không được sự đồng ý của Công ty S. Từ năm 2021, Công ty S đã nhiều lần yêu cầu ông C di dời tài sản trên đất nhưng ông C không đồng ý.

Các khoản tiền mà Công ty Cổ phần S nhận là các khoản công nợ của Công ty S phát sinh do công ty sử dụng điện, sử dụng dịch vụ cân điện tử, tiền công của nhân viên trực, công bốc xếp ghép gỗ lên xuống xe, tiền lãi do Công ty S vay vốn nhân rồi của Công ty S.

Công ty Cổ phần S không liên quan gì đến vụ án khởi kiện của Công ty S và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV S – Quảng Trị: Không có yêu cầu tranh chấp gì đối với tài sản của công ty S và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5- Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị lập ngày 12/7/2024 xác định tài sản của Công ty TNHH MTV S: có các công trình trên 2348,1m² gồm: nhà kho 182 m², nhà làm việc 89,2m², nhà xưởng 1781 m², nhà tắm dăm 99,6 m², nhà để máy sấy 195,7 m², toàn bộ tài sản máy móc, thiết bị, nhà xưởng của Công ty TNHH S đều xây dựng trên đất của Công ty cổ phần S và Công ty TNHH MTV S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206; Điều 213; Điều 358; Điều 359 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015 Nghị định 47/2014/NĐ-CP 15/5/2014; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH MTV S về việc yêu cầu hủy Văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của UBND huyện V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/9/2024, người khởi kiện Công ty TNHH S có người đại diện theo pháp luật là bà Hoàng Thị T - Giám đốc Công ty có Đơn kháng cáo, với nội dung: cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử đối vụ án trên như vậy là không đúng pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Hủy văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của UBND huyện V về việc trả lời đơn công dân. Buộc UBND huyện V tiến hành lập phương án bồi thường toàn bộ tài sản trên đất cho Công ty S.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà **Hoàng Thị T** – Giám đốc **Công ty TNHH S** là người đại diện theo pháp luật cho người khởi kiện xuất trình chứng cứ là Biên bản kiểm đếm số 68/BB-KĐ ngày 25/11/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Người đại diện cho **UBND huyện V** thừa nhận những tài sản hội đồng đã kiểm kê, kiểm đếm ghi nhận đối với toàn bộ tài sản xây dựng tạo lập là tài sản của **Công ty S** và có quan điểm trình bày: theo báo cáo 146/BC – UBND ngày 29/3/2024; **UBND huyện V** đồng ý chủ trương hỗ trợ toàn bộ tài sản của **Công Ty S**, mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá của UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định thu hồi theo quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 26/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của **UBND tỉnh Q** cho **Công ty S** nên đồng ý tiến hành lập phương án hỗ trợ toàn bộ tài sản trên đất cho **Công ty S** theo chủ trương này.

Bà **Hoàng Thị T** đại diện cho người bị kiện thống nhất với phương án hỗ trợ nêu trên và cam kết Công ty sẽ tự nguyện phối hợp tháo dỡ, di dời tài sản bàn giao mặt bằng để kịp thời tiến độ thực hiện dự án. Đồng thời đồng ý rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu hủy Văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của **UBND huyện V**.

Đại diện **UBND huyện V** đồng ý về việc rút đơn của người khởi kiện nêu trên và cam kết thực hiện việc hỗ trợ toàn bộ tài sản trên đất cho Công ty Cường Thịnh theo chủ trương trên.

Đối với yêu cầu buộc **UBND huyện V** thực hiện việc tiến hành lập phương án bồi thường toàn bộ tài sản trên đất cho **Công ty S** thì người khởi kiện và người bị kiện đều thống nhất đề nghị: Hội đồng xét xử công nhận việc đối thoại này để **UBND huyện V** tiến hành các thủ tục ban hành quyết định hỗ trợ toàn bộ tài sản của **Công ty S** (theo Biên bản kiểm đếm số 68/BB-KĐ ngày 25/11/2023 đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ghi nhận), với mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá của UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định thu hồi theo quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 26/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của **UBND tỉnh Q** cho **Công ty S**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án. Công nhận sự thỏa thuận và đối thoại nêu trên để **UBND huyện V** tiến hành các thủ tục ban hành quyết định hỗ trợ toàn bộ tài sản của **Công Ty C**, với mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá của **UBND tỉnh Q** theo quy định

Sau khi nghe: người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; Ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của

Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà **Hoàng Thị T** – Giám đốc **Công ty TNHH S** là người đại diện theo pháp luật cho người khởi kiện còn trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty TNHH MTV S** - Quảng Trị đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 27/5/2024, **UBND huyện V** nhận được Đơn đề ngày 16/5/2024 của **Công ty TNHH S** có nội dung đề nghị về việc xem xét, hỗ trợ, bồi thường cho **công ty K** thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn **V - C**. Ngày 06/6/2024 của **UBND huyện V** ban hành Văn bản số 1198/UBND-BQLDA về việc trả lời công dân với nội dung: Công ty không có hồ sơ giấy tờ chứng minh cho việc đầu tư nhà xưởng máy móc trên đất là hợp pháp; do đó không tiến hành lập phương án bồi thường hỗ trợ. Văn bản hành chính này ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi **Công ty TNHH S** nên là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính. **Công ty S** khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1198/UBND-BQLDA để **UBND huyện V** và buộc **UBND huyện V** tiến hành lập phương án bồi thường hỗ trợ toàn bộ tài sản. Căn cứ Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện **Công ty TNHH S** thì thấy;

[4]. Về tính hợp pháp và có căn cứ của Văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của **UBND huyện V**, Hội đồng xét xử thấy;

- Về chủ thể ban hành: Văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của **UBND huyện V** về việc trả lời đơn đối với **Công ty S** đã được ban hành bởi người có thẩm quyền Chủ tịch **UBND huyện V** là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung thì thấy:

Thực hiện Dự án xây dựng CT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn V - C. Ngày 21/02/2024, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án có Công văn số 48/CV-HĐ về việc yêu cầu cung cấp chứng từ liên quan đến bồi thường hỗ trợ đối với công ty với nội dung yêu cầu Công ty S cung cấp: hợp đồng liên doanh giữa Công ty TNHH S với Công ty cổ phần S và Công ty TNHH MTV S; các báo cáo tài chính các năm 2019, 2020, 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty TNHH S có cơ quan thuế xác nhận; Giấy chứng nhận kinh doanh; các hóa đơn chứng từ chứng minh liên quan đến các thiết bị, máy móc của nhà máy.

Tại Văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của UBND huyện V về việc trả lời đơn. UBND huyện V cho rằng do Công ty TNHH S không có hồ sơ giấy tờ chứng minh việc đầu tư nhà xưởng máy móc trên đất là hợp pháp nên không tiến hành lập phương án bồi thường toàn bộ tài sản trên đất cho Công ty TNHH S.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án thì thấy Công ty TNHH S đã xuất trình đầy đủ các báo cáo tài chính các năm 2019, 2020, 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty TNHH S có cơ quan thuế xác nhận; Giấy chứng nhận kinh doanh; các hóa đơn chứng từ chứng minh liên quan đến các thiết bị, máy móc của nhà máy và rất nhiều tài liệu chứng cứ khác thể hiện về việc có sự hợp tác trong việc sản xuất, kinh doanh, đầu tư nhà xưởng máy móc trên đất là hợp pháp (*Bút lục 19 – 179*) đáp ứng đầy đủ như yêu cầu tại Công văn số 48/CV-HĐ về việc yêu cầu cung cấp chứng từ liên quan đến bồi thường hỗ trợ.

Xét các hợp đồng trong quá trình xây dựng, mua máy móc để sản xuất kinh doanh của Công ty S như: Hợp đồng lắp ghép nhà xưởng ngày 13/11/2016, Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng 01/2/2017; Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng 14/3/2017, Hợp đồng lắp ghép nhà xưởng ngày 15/10/2019, Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng 20/10/2019, Hợp đồng lắp ghép nhà xưởng ngày 15/12/2020, Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng 11/12/2021, Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng 25/9/2022, Hợp đồng thi công đổ bê tông 20/12/2022; các Hợp đồng nhân công khác; Hợp đồng mua bán Máy cưa Ripsaw xẻ gỗ tròn 05/04/2021; Hợp đồng đặt hàng pallet 02/01/2023; Hợp đồng kinh tế pallet 30/3/2023(BL 121 – 136) thì thấy Công ty TNHH S đã liên tục tạo lập nhà xưởng và mua máy móc trong nhiều năm để sản xuất, kinh doanh từ thời điểm năm 2016 cho đến năm 2023. So sánh với thời điểm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CT 01566 ngày 25/7/2017 do Sở T2 cấp cho Công ty cổ phần S thì thấy Công ty S đã tạo lập tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2016; trước khi Công ty cổ phần S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2017 nhưng khi giải quyết đơn của Công ty S đề nghị về việc xem xét, hỗ trợ, bồi thường cho công ty khi thực hiện dự

án UBND huyện V đã không xem xét đến quá trình sử dụng đất nên có sai sót. Như vậy, tại Văn bản giải quyết trả lời đơn không xem xét đến những vấn đề trên để làm rõ nguồn gốc, quá trình hình thành tài sản và quá trình sử dụng đất của Công ty TNHH MTV S là thiếu khách quan, chưa đúng pháp luật.

Ngoài ra, xem xét các bảng kê công nợ do công ty cổ phần S lập hàng tháng, diễn ra liên tục trong nhiều năm, cụ thể như: Bảng kê công nợ do công ty cổ phần S lập tháng 5/2021; Bảng kê công nợ do công ty cổ phần S lập tháng 7/2023 (BL 137 – 179) thì thấy công ty Cường Thịnh khi đổ gỗ vào nhà xưởng thì phải trả tiền bãi cho Công ty cổ phần S, thuê nhân công của Công ty cổ phần S, tiêu thụ sản phẩm thông qua Công ty cổ phần S và hai bên được phân chia lợi nhuận ... Công ty cổ phần S còn cho Công ty S vay vốn để kinh doanh. Như vậy, có căn cứ xác định việc tạo lập xây dựng nhà xưởng chế biến gỗ của Công ty TNHH S là để cùng hợp tác trong sản xuất kinh doanh chế biến gỗ; hoạt động sản xuất, kinh doanh này cũng phù hợp với việc sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần S nên không trái pháp luật.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (BL 06) thấy năm 2020, bà Hoàng Thị T thành lập Công ty TNHH MTV S. Mã số doanh nghiệp: 3200711341; Đăng ký lần đầu 18/8/2020; Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/11/2020. Địa chỉ trụ sở chính: làng thanh niên lập nghiệp, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Tại Biên bản xác nhận địa điểm kinh doanh ngày 08/9/2020 của Chi cục thuế khu vực V2 và các Thông báo chấp nhận việc nộp hồ sơ khai thuế của T3 thì Công ty TNHH MTV S có địa điểm kinh doanh: làng thanh niên lập nghiệp, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị (BL 48-51).

Từ những vấn đề và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định doanh nghiệp của bà T là Công ty TNHH MTV S đã được thành lập hợp pháp. Quá trình hợp tác kinh doanh, xây dựng nhà xưởng mua sắm máy móc tại địa điểm kinh doanh: làng thanh niên lập nghiệp, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị từ năm 2016 đến thời điểm thực hiện Dự án xây dựng CT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn V - C thì tài sản Công ty S tài sản được tạo lập ra là hợp pháp, không trái pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Công ty cổ phần S và Công ty TNHH MTV S đều thừa nhận về các tài sản của Công ty S thể hiện tại Biên bản kiểm đếm số 68/BB-KĐ, ngày 25/11/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là tài sản của Công ty S và không có tranh chấp gì về tài sản; do đó có đủ căn cứ xác lập quyền sở hữu về tài sản theo quy định tại Điều 222 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Người lao động, người tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp có quyền sở hữu đối với tài sản có được từ lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp, kể từ thời điểm có được tài sản đó...”. Vì vậy, khi nhà

nước thu hồi đất của các doanh nghiệp khác thì chủ sở hữu hợp pháp tài sản trên đất là Công ty S phải được bồi thường về tài sản đúng theo quy định của pháp luật.

Theo nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản khi Nhà nước thu hồi đất được quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Đất đai 2013 *Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường*”.

Do vậy, kháng cáo của người khởi kiện: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Hủy Văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của UBND huyện V về việc trả lời đơn công dân. Buộc UBND huyện V tiến hành lập phương án bồi thường toàn bộ tài sản cho Công ty S là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm Công ty TNHH MTV S có xuất trình chứng cứ là Biên bản kiểm đếm số 68/BB-KĐ ngày 25/11/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng CT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn V - C và trình bày:

Các tài sản của Công ty S thể hiện theo Biên bản kiểm đếm số 68/BB-KĐ, được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V ghi nhận bằng biên bản kiểm đếm đối với toàn bộ tài sản của Công ty TNHH S trên thực tế cụ thể như sau:

“...b, V kiến trúc:

- Nhà xưởng:

1) Nhà xưởng có kết cấu khung sắt lợp tôn nền đất.

DT: $47,1 \times 31,6 + 5,9 \times 26,65 + 2 \times 13,5 + 18,6 \times 7,3 + 20,54 \times 4,6$

2) Sân lát gạch (phòng làm việc).

DT: $5,7 \times 4$

3) Tường xây bê tông kín tô trát hoàn chỉnh (kể cả móng)

DT: $8,8 \times 2,6 + 5 \times 2,6 + 5,7 \times 3,3 + 10,3 \times 3,4$

4) Tường bằng khung thép hộp ốp tôn

DT: $3,5 \times 6,6 \times 2 \text{ mặt} + 3,7 \times 5,7 + 3,5 \times 5,7 + 3,4 \times 5,7$

5) Vách chắn phía sau xưởng làm bằng gỗ cao 2 m 56 m²

6) La phong tôn

DT: $5,7 \times 4$

7) Nền bê tông xi măng dày 10 cm M> 10 cm

DT: $52,2 \times 31 + 18,6 \times 6,8 + 19,9 \times 4,1 + 4,8 \times 6,8$

- Kho sấy:

1) Kho sấy có kết cấu khung sắt, lợp tôn, nền đất

DT: $18,6 \times 10,0$

2) Nền bê tông xi măng dày 10 cm, M> 100

DT: 10,4 x 18,1

- Kho chứa thành phẩm

1) Kho chứa thành phẩm có kết cấu khung sắt, lợp tôn, nền đất

DT: 18,3 x 5,8

2) Nền bê tông xi măng dày 10 cm, M> 100

DT: 10,3 x 17,7

- Nhà xưởng băm gỗ

1) Nhà xưởng băm gỗ có kết cấu khung sắt, lợp tôn, nền đất

DT: 8,23 x 10,96 + 8,1 x 3,53

2) Nền bê tông móng hầm dày 10 cm, M> 100

3) Bê tông móng hầm bằng bê tông cốt thép M 250, đá 1 x 2

KL: 3,2 x 1,7 x 0,2

4) Bê tông hầm bằng bê tông cốt thép M 250, đá 1 x 2

KL: (3 + 4 , 2) x 2 bên x cao 1,7 x dày 0,2

- Phần điện

1) Dây từ hộp điện tổng đi qua các máy cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ 0,6 /1 KV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện P, giáp bằng thép bảo vệ, loại CVV DSTA – 3 x 16 + 1 x 10 – 0,6/ 1KV = 280 md

2) Dây điện, cáp điện Cadivi VCmd – 2 x 1,5 – (2 x 30/ 0,25) – 0,6/ 1 KV 200 md

3) Cáp điện hạ thế - 0,6/1KV – (3lõi, ruột đồng, cách điện P, vỏ P) CVV – 3 x 50 – 0,6 / 1 KV (từ trạm biến áp về hộp đồng hồ tổng)

4) Lắp đặt các aptomat 3 pha ≤ 200 , AM CCB 150, 200 (A)

I cu – 30 KA - 6 cái

5) Lắp đặt các aptomat 1 pha ≤ 100 , AM CCB 3P 75, 100 (A)

I cu – 22 KA – 7 cái

6) Lắp đặt các aptomat 1 pha ≤ 100 , AM CCB 2P 10,16,20,25,32,40 (A)

I cu – 4,5 KA – 4 cái

5) Aptomat 1 pha, 1 cực MCB 16 AM CB 1P 10,16,20,25,32,40 (A)

I cu – 4,5 KA – 15 cái

- Phần rãnh thoát nước phía bên, sau nhà xưởng

1) Bê tông đáy mương bằng bê tông M 150, không cốt thép, đá 2 x 4, PC 40

KL: 76 x 0,5 x 0,12

2) Xây tường thẳng blô

KL: 76 x 0,3 x 0,2 x 2 bên

- Máy móc thiết bị:

- 1) Máy cưa CD: 06 cái
- 2) Máy CD cưa bìa : 02 cái
- 3) Máy cắt ngang: 06 cái
- 4) Máy xẻ gỗ tròn nhiều lưỡi D 300: 01 cái
- 5) Máy xẻ gỗ tròn nhiều lưỡi D 400: 01 cái
- 6) Máy xẻ hộp nhiều lưỡi: 01 cái
- 7) Máy cắt 2 đầu : 01 cái
- 8) Máy lọng : 01 cái
- 9) Máy rong nan nhiều lưỡi: 01 cái
- 10) Máy lip xô : 04 cái
- 11) Máy hút bụi + ống dẫn bụi : 02 cái
- 12) Máy mài dao băm : 01 cái
- 13) Máy băm cưa bìa : 01 cái
- 14) Máy băm gỗ cưa tròn : 01 cái
- 15) Hệ thống lò sấy gỗ 2T : 01 cái ”

Người đại diện theo ủy quyền của **UBND huyện V** thừa nhận những tài sản nêu trên hội đồng đã kiểm kê, kiểm đếm ghi nhận đối với toàn bộ tài sản xây dựng tạo lập là tài sản thuộc quyền sở hữu của **Công ty S** như nội dung Biên bản kiểm đếm số 68/BB-KĐ ngày 25/11/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng CT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn **V - C** mà **công ty S** xuất trình là đúng. Nhưng có quan điểm trình bày: theo báo cáo 146/BC – UBND ngày 29/3/2024 **UBND huyện V** đồng ý chủ trương hỗ trợ toàn bộ tài sản của **Công ty S**, với mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá của UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định thu hồi cho Công ty nên đồng ý khắc phục hành vi hành chính bằng việc: **UBND huyện V** tiếp tục tiến hành lập phương án hỗ trợ toàn bộ tài sản trên đất cho **Công ty S**, với mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá của UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định thu hồi, đúng theo quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 26/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của **UBND tỉnh Q**: “Đối với nhà , công trình xây dựng khác nằm trong phạm vi nhà nước thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường thì được xem xét hỗ trợ, mức hỗ trợ tối đa bằng 50 % đơn giá của UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định thu hồi”. Thực hiện đúng như ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 289/VP-KT ngày 01/4/2024 và Văn bản số 1328/STNMT-ĐĐBĐ&TĐC ngày 09/4/2024 của **Sở T2** về giải quyết đề nghị của **UBND huyện V** về khó khăn vướng mắc trong công tác GPMB của **đường C - C**, trong đó có trường hợp của **Công ty TNHH MTV S**.

Bà **Hoàng Thị T** đại diện cho người bị kiện thống nhất với phương án hỗ trợ nêu trên và cam kết Công ty sẽ tự nguyện phối hợp tháo dỡ, di dời tài sản bàn giao mặt bằng để kịp thời tiến độ thực hiện dự án. Đồng thời đồng ý rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu hủy Văn bản số 1198; đại diện **UBND huyện V** cũng đồng ý về việc rút đơn của người khởi kiện và cam kết thực hiện việc hỗ trợ toàn bộ tài sản trên đất cho **Công ty S**.

Mặt khác, đối với yêu cầu buộc **UBND huyện V** thực hiện việc tiến hành lập phương án bồi thường toàn bộ tài sản trên đất cho **Công ty S** thì người khởi kiện và người bị kiện đều thống nhất đề nghị: Hội đồng xét xử công nhận việc đối thoại này để **UBND huyện V** tiến hành các thủ tục ban hành quyết định hỗ trợ toàn bộ tài sản của **Công ty S** (theo Biên bản kiểm đếm số 68/BB-KĐ ngày 25/11/2023 đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ghi nhận), với mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá của UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định thu hồi theo quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 26/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của **UBND tỉnh Q** cho Công ty Cường Thịnh

Do đó, Hội đồng xét xử hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu của người khởi kiện **Công ty TNHH MTV S** đối với yêu cầu hủy Văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của **UBND huyện V**. Đồng thời sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận việc đối thoại của các đương sự để **UBND huyện V** tiến hành các thủ tục để ban hành quyết định hỗ trợ toàn bộ tài sản trên đất cho **Công ty S** theo như thỏa thuận và cam kết nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án hành chính.

[5] Về án phí. **Công ty TNHH MTV S** phải chịu án phí hành chính theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 2 và 4 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015.

1. Hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của người khởi kiện **Công ty TNHH MTV S** hủy Văn bản số 1198/UBND-BQLDA ngày 06/6/2024 của **UBND huyện V**.

2. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và Công nhận việc đối thoại, thỏa thuận giữa người khởi kiện Công ty TNHH MTV S với đại diện UBND huyện V đối với yêu cầu buộc UBND huyện V phải tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ toàn bộ tài sản trên đất cho Công ty S, để đảm bảo cho việc thi hành án hành chính, cụ thể như sau.

- Buộc UBND huyện V phải có trách nhiệm phải tiến hành các thủ tục ban hành quyết định hỗ trợ toàn bộ tài sản của Công Ty S (Theo Biên bản kiểm đếm số 68/BB-KĐ, ngày 25/11/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng CT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn V - C và tự mà công ty S đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ghi nhận) với mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá của UBND tỉnh Q theo đúng như quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 26/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Q và các quy định khác của pháp luật

- Buộc Công ty TNHH S phải có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản của công ty B để đảm bảo kịp tiến độ của dự án.

3. Về án phí: áp dụng Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Công ty TNHH MTV S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000169 ngày 22/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Các quyết định khác về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (Người khởi kiện đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Ngọc Thái